

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 02 năm 2017

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

#### 1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (cơ sở và phân hiệu) và địa chỉ trang web

Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá là trường đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập theo quyết định số: 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Văn hóa- Nghệ thuật Thanh Hóa. Trường có sứ mệnh đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ Đại học, Sau đại học các lĩnh vực Văn hoá – Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch cho khu vực Bắc Trung Bộ - Nam sông Hồng và cả nước.

Địa chỉ:

+ Cơ sở 1: số 561, Quang Trung 3, phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá.

+ Cơ sở 2: số 20 Nguyễn Du, phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá.

Điện thoại: 0373. 953.388; 0373. 857.421; Fax: 0373. 953.388.

Email: dhvhttdlth@gmail.com; Website: <http://www.dvtdt.edu.vn>;

Ký hiệu trường: DVD

#### 1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐSP	
	GD chính quy (ghi rõ số NCS, số học cao học, số SV đại học)	GDTX (ghi rõ số SV ĐH)	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành I	870 ĐH	437 ĐH	0	0
Nhóm ngành II	290 ĐH	0	0	0
Nhóm ngành III	488 ĐH	75ĐH	0	0
Nhóm ngành VII	41 CH; 1013 ĐH	466 ĐH		
<b>Tổng (ghi rõ cả số NCS, cao học, SV ĐH, CĐ)</b>	<b>41 CH; 2661 ĐH</b>	<b>958 ĐH</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

### 1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

1.3.1.1 Phương thức tuyển sinh năm 2015:

Nhà trường thực hiện phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia kết hợp thi tuyển các môn năng khiếu (đối với những ngành năng khiếu).

1.3.1.2 Phương thức tuyển sinh năm 2016:

a. Phương thức tuyển sinh

Nhà trường thực hiện theo 2 phương thức tuyển sinh: xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia và xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT ( xét học bạ).

b. Việc thực hiện quy định về xét tuyển

\* Đối với xét tuyển dựa vào kết quả bậc THPT: Nhà trường thực hiện theo đề án tự chủ tuyển sinh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại văn bản số: 1803/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 25/04/2016.

\* Đối với xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT Quốc gia

- Việc công bố quy định xét tuyển

+ Tổ hợp môn thi xét tuyển các ngành ngoài năng khiếu: Quản lý văn hóa, Quản lý nhà nước, Công tác xã hội, Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch), Thông tin học, Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành xét tuyển 4 tổ hợp môn gồm: Văn + Sử + Địa; Toán + Văn + Tiếng Anh; Toán + Lý + Hóa; Toán + Lý + Tiếng Anh.

+ Khối ngành năng khiếu: Sư phạm Âm nhạc, Thanh nhạc xét tuyển môn Văn + Năng khiếu âm nhạc (Thẩm âm, đàn, hát); ngành Sư phạm Mỹ thuật, Hội họa, Đồ họa, Thiết kế thời trang xét tuyển môn Văn + Năng khiếu (Hình họa, Bố cục); Ngành Quản lý Thể dục Thể thao xét tuyển môn Toán + Sinh + Năng khiếu (chạy xa, bật tại chỗ); ngành Giáo dục mầm non xét tuyển môn Văn hoặc Toán + Năng khiếu (Hát + Đọc, kể chuyện).

+ Đối với các môn thi năng khiếu, Nhà trường tự tổ chức thi ra đề thi, chấm thi theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành /tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2 (2016)			Năm tuyển sinh -1 (2015)		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
<b>Nhóm ngành I</b>	<b>310</b>	<b>251</b>		<b>180</b>	<b>168</b>	
- Ngành 1: Sư phạm âm nhạc Tổ hợp 1: N00	80	71	15.00	50	56	15.00
- Ngành 2: Sư phạm Mỹ thuật Tổ hợp 1: H00	80	05		40	35	
- Ngành 3: Giáo dục mầm non Tổ hợp 1: M00 Tổ hợp 2: M01	150	175		90	77	

<b>Nhóm ngành II</b>	<b>70</b>	<b>26</b>		<b>80</b>	<b>50</b>	
- Ngành 1: Thanh nhạc <i>Tổ hợp 1: N00</i>	20	11	15.00	25	18	15.00
- Ngành 2: Hội họa <i>Tổ hợp 1: H00</i>	10	1		5	5	
- Ngành 3: Đồ họa <i>Tổ hợp 1: H00</i>	20	4		20	9	
- Ngành 4: Thiết kế Thời trang <i>Tổ hợp 1: H00</i>	20	10		30	18	
<b>Nhóm ngành III</b>	<b>210</b>	<b>148</b>		<b>150</b>	<b>70</b>	
- Ngành 1: Quản trị khách sạn <i>Tổ hợp 1: C15</i> <i>Tổ hợp 2: D01</i> <i>Tổ hợp 3: A16</i> <i>Tổ hợp 4: D14</i>	120	111	15.00	90	35	15.00
- Ngành 2: Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành <i>Tổ hợp 1: C15</i> <i>Tổ hợp 2: D01</i> <i>Tổ hợp 3: A16</i> <i>Tổ hợp 4: D14</i>	90	37		60	35	
<b>Nhóm ngành VII</b>	<b>530</b>	<b>212</b>		<b>490</b>	<b>292</b>	
- Ngành 1: Quản lý văn hóa <i>Tổ hợp 1: C15</i> <i>Tổ hợp 2: D01</i> <i>Tổ hợp 3: A16</i> <i>Tổ hợp 4: D14</i>	100	43	15.00	100	64	15.00
- Ngành 2: Quản lý nhà nước <i>Tổ hợp 1: C15</i> <i>Tổ hợp 2: D01</i> <i>Tổ hợp 3: A16</i> <i>Tổ hợp 4: D14</i>	80	34		80	37	
- Ngành 3: Quản lý TĐTT <i>Tổ hợp 1: T00</i> <i>Tổ hợp 2: T01</i>	50	47		70	45	
- Ngành 4: Công tác xã hội <i>Tổ hợp 1: C15</i> <i>Tổ hợp 2: D01</i> <i>Tổ hợp 3: A16</i> <i>Tổ hợp 4: D14</i>	80	23		70	21	15.00
- Ngành 5: Thông tin học <i>Tổ hợp 1: C15</i> <i>Tổ hợp 2: D01</i> <i>Tổ hợp 3: A16</i> <i>Tổ hợp 4: D14</i>	80	15		70	32	
- Ngành 6: Ngôn ngữ Anh <i>Tổ hợp 1: D01</i> <i>Tổ hợp 2: D96</i> <i>Tổ hợp 3: D72</i> <i>Tổ hợp 4: D15</i>	60	24		50	48	

- Ngành 7: Việt Nam học Tổ hợp 1: C15 Tổ hợp 2: D01 Tổ hợp 3: A16 Tổ hợp 4: D14	80	26		50	45	
<b>Tổng</b>	<b>1120</b>	<b>637</b>	<b>X</b>	<b>900</b>	<b>580</b>	<b>X</b>

## II. PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2017

**1. Phương thức tuyển sinh:** Nhà trường sử dụng hai phương thức tuyển sinh.

**Phương thức 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Trung học Phổ thông (THPT) Quốc gia; chỉ tiêu: 50% của mỗi khối ngành.

**Phương thức 2:** Xét tuyển theo kết quả học tập ở bậc học THPT; chỉ tiêu: 50% mỗi khối ngành.

### 2. Các ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển

TT	Ngành học	Khối ngành	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (Dự kiến)
1	Sư phạm Âm nhạc	I	DVD	52140221	Văn + Năng khiếu (Thẩm âm: tiết tấu, cao độ; Đàn, hát) <b>(N00)</b>	<b>350</b>
2	Sư phạm Mỹ thuật		DVD	52140222	Văn + Năng khiếu (Hình họa: vẽ chì, tượng thạch cao; Vẽ tranh Bó cục màu) <b>(H00)</b>	
3	Giáo dục Mầm non		DVD	52140201	1. Văn + Toán + Năng khiếu (Hát, đọc, kể chuyện). <b>(M00)</b> 2. Toán + Tiếng Anh + Năng khiếu (Hát, đọc, kể chuyện). <b>(M01)</b>	
4	Thanh nhạc	II	DVD	52210205	Văn + Năng khiếu (Thẩm âm: tiết tấu, cao độ, hoặc xướng âm; Hát) <b>(N00)</b>	<b>150</b>
5	Hội họa		DVD	52210103	Văn + Năng khiếu (Hình họa: vẽ chì, tượng thạch cao; Vẽ tranh Bó cục màu) <b>(H00)</b>	
6	Đồ họa		DVD	52210104	Văn + Năng khiếu (Hình họa: vẽ chì, tượng thạch cao; Vẽ bố cục trang trí). <b>(H00)</b>	
7	Thiết kế Thời trang		DVD	52210404	Văn + Năng khiếu (Hình họa: vẽ chì, tượng thạch cao; Vẽ bố cục trang trí). <b>(H00)</b>	

8	Quản trị Khách sạn	III	DVD	52340107	1. Văn + Toán + KHXH <b>(C15)</b>	300
9	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành		DVD	52340103	2. Toán + Văn + Tiếng Anh <b>(D01)</b> 3. Toán + Văn + KHTN <b>(A16)</b> 4. Văn + Sử + Tiếng Anh <b>(D14)</b>	
10	Quản lý văn hoá	VII	DVD	52220342	1. Văn + Toán + KHXH <b>(C15)</b>	450
11	Việt Nam học		DVD	52220113	2. Toán + Văn + Tiếng Anh <b>(D01)</b>	
12	Thông tin học		DVD	52320201	3. Toán + Văn + KHTN <b>(A16)</b>	
13	Công tác Xã hội		DVD	52760101	4. Văn + Sử + Tiếng Anh <b>(D14)</b>	
14	Quản lý Nhà nước		DVD	52310205		
15	Ngôn ngữ Anh	VII	DVD	52220201	1. Toán + Văn + Tiếng Anh <b>(D01)</b> 2. Toán + KHXH + Tiếng Anh <b>(D96)</b> 3. Văn + KHTN + Tiếng Anh <b>(D72)</b> 4. Văn + Địa + Tiếng Anh <b>(D15)</b>	
16	Quản lý Thể dục Thể thao	VII	DVD	52220343	- Toán + Sinh + Năng khiếu (chạy 100 m; Bật xa tại chỗ) <b>(T00)</b> - Toán + Văn + Năng khiếu (chạy 100 m; Bật tại chỗ) <b>(T01)</b>	

### III. NỘI DUNG CHI TIẾT CỦA CÁC PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

**1. PHƯƠNG THỨC 1:** Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia đối với thí sinh có đăng ký dự thi để lấy kết quả xét tuyển sinh ĐH, CĐ.

#### 1.1. Các ngành áp dụng phương thức 1

TT	Ngành học	Khối ngành	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (Dự kiến)
----	-----------	------------	----------------	----------	----------------------	--------------------

1	Su phạm Âm nhạc	I	DVD	52140221	Văn + Năng khiếu (Thẩm âm: tiết tấu, cao độ; Đàn, hát) <b>(N00)</b>	175
2	Su phạm Mỹ thuật		DVD	52140222	Văn + Năng khiếu (Hình họa: vẽ chì, tượng thạch cao; Vẽ tranh Bó cục màu) <b>(H00)</b>	
3	Giáo dục Mầm non		DVD	52140201	1. Văn + Toán + Năng khiếu (Hát, đọc, kể chuyện). <b>(M00)</b> 2. Toán + Tiếng Anh + Năng khiếu (Hát, đọc, kể chuyện). <b>(M01)</b>	
4	Thanh nhạc	II	DVD	52210205	Văn + Năng khiếu (Thẩm âm: tiết tấu, cao độ, hoặc xướng âm; Hát) <b>(N00)</b>	75
5	Hội họa		DVD	52210103	Văn + Năng khiếu (Hình họa: vẽ chì, tượng thạch cao; Vẽ tranh Bó cục màu) <b>(H00)</b>	
6	Đồ họa		DVD	52210104	Văn + Năng khiếu (Hình họa: vẽ chì, tượng thạch cao; Vẽ bố cục trang trí). <b>(H00)</b>	
7	Thiết kế Thời trang		DVD	52210404		
8	Quản trị Khách sạn	III	DVD	52340107	1. Văn + Toán + KHXH <b>(C15)</b> 2. Toán + Văn + Tiếng Anh <b>(D01)</b> 3. Toán + Văn + KHTN <b>(A16)</b> 4. Văn + Sử + Tiếng Anh <b>(D14)</b>	150
9	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành		DVD	52340103		
10	Quản lý Văn hoá	VII	DVD	52220342	1. Toán + Văn + Tiếng Anh <b>(D01)</b> 2. Toán + KHXH + Tiếng Anh <b>(D96)</b> 3. Văn + KHTN + Tiếng Anh <b>(D72)</b> 4. Văn + Địa + Tiếng Anh <b>(D15)</b>	225
11	Việt Nam học		DVD	52220113		
12	Thông tin học		DVD	52320201		
13	Công tác Xã hội		DVD	52760101		
14	Quản lý Nhà nước		DVD	52310205		
15	Ngôn ngữ Anh	VII	DVD	52220201		

16	Quản lý Thẻ dực Thẻ thao	VII	DVD	52220343	- Toán + Sinh + Năng khiếu (chạy 100 m; Bật xa tại chỗ) (T00) - Toán + Văn + Năng khiếu (chạy 100 m; Bật tại chỗ) (T01)
----	-----------------------------	-----	-----	----------	--

## **1.2. Tiêu chí xét tuyển**

*Tiêu chí 1:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT.

*Tiêu chí 2:* Tiêu chí đảm bảo chất lượng

- Đối với các ngành chỉ sử dụng tổ hợp môn xét tuyển là các môn thi theo kỳ thi THPT Quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo, yêu cầu kết quả phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo Quy định.

- Đối với các ngành có môn thi năng khiếu, vừa sử dụng môn thi theo kỳ thi THPT Quốc gia vừa sử dụng kết quả môn thi năng khiếu do trường tổ chức: Các môn thi theo kỳ thi THPT Quốc gia phải đạt điểm tối thiểu 2.0 điểm, các môn năng khiếu phải đạt tối thiểu 5.0 điểm.

*Tiêu chí 3:* Đủ điều kiện xét tuyển theo quy định của quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành.

## **1.3. Điểm xét tuyển (ĐXT)**

Là tổng điểm của tổ hợp 3 môn xét tuyển, không nhân hệ số cộng với điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng (*theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT*).

- Đối với ngành năng khiếu, thí sinh phải tham dự thi để lấy điểm thi các môn năng khiếu. Thời gian thi và môn thi năng khiếu Trường quy định và tổ chức thi.

- Chỉ xét tuyển những thí sinh nộp đăng ký xét tuyển vào trường với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đúng quy định. Đối với thí sinh thi các ngành năng khiếu phải tham dự và có đủ kết quả các môn thi năng khiếu theo quy định của Nhà trường.

## **1.4. Nguyên tắc xét tuyển**

Đối với thí sinh đáp ứng các tiêu chí 1,2,3 xét tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đủ 50% chỉ tiêu đã xác định của mỗi ngành.

Đối với thí sinh có ĐXT bằng nhau, nhà trường quy định tiêu chí phụ, cụ thể:

- Đối với các ngành xét theo tổ hợp C15, A16 và D14 tiêu chí phụ là điểm môn Văn.

- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh tiêu chí phụ là điểm môn Tiếng Anh.

- Đối với các ngành thi 01 môn năng khiếu, tiêu chí phụ là điểm môn Năng khiếu; nếu vẫn bằng điểm thì xét đến điểm môn Văn (hoặc môn Toán).

- Đối với các ngành có 02 môn năng khiếu, tiêu chí phụ là tổng điểm 2 môn năng khiếu; nếu vẫn bằng điểm thì xét đến điểm môn Năng khiếu 1.

- Đối với thí sinh đăng ký 2 nguyện vọng vào ngành khác nhau, trường sẽ xem xét các nguyện vọng là bình đẳng, để đảm bảo thí sinh có thể trúng tuyển vào nguyện vọng tốt nhất với kết quả thi của thí sinh.

### **1.5. Phương thức đăng ký xét tuyển**

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  
- Thời gian nộp hồ sơ: theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  
- Hình thức đăng ký: Đăng ký trực tuyến, gửi chuyển phát nhanh (qua bưu điện) hoặc có thể nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo – Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Số 561, Quang Trung 3, Phường Đông Vệ - Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa. Điện thoại: (037) 3953.388 hoặc (037) 3857.421.

### **1.6. Hồ sơ nhập học**

- Giấy chứng nhận kết quả thi: Thí sinh trúng tuyển phải nộp bản chính theo thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khi đến nhập học thí sinh cần mang theo các giấy tờ sau:

+ Bản sao Giấy khai sinh;

+ Bằng tốt nghiệp THPT, THBT hoặc Giấy chứng nhận tạm thời tốt nghiệp THPT, THBT;

+ Học bạ THPT, THBT (bản gốc);

- Bản sao có công chứng các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có);

- Các giấy tờ khác có liên quan.

### **1.7. Các thông tin khác**

#### **1.7.1. Quy định sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ**

- Đối tượng:

+ Những thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có một trong các chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh được miễn bài thi môn Ngoại ngữ dùng kết quả để xét công nhận tốt nghiệp được tính 10 điểm khi xét tuyển đối với ngành đăng ký xét tuyển vào trường theo phương thức 1 (Xét tuyển dựa vào kỳ thi THPT quốc gia).

#### **1.7.2. Quy định sử dụng điểm bảo lưu kết quả kỳ thi THPT quốc gia**

Thí sinh dự thi đủ các môn quy định trong kỳ thi năm trước nhưng chưa tốt nghiệp THPT và không bị kỷ luật huỷ kết quả thi (các bài thi hoặc các môn thành phần của bài thi KHTN, KHXH đạt từ 5,0 điểm trở lên) được nhà trường sử dụng để xét tuyển vào các ngành đào tạo tại trường.

**1.7.3. Chính sách ưu tiên:** Ngoài những quy định chung ưu tiên về đối tượng, khu vực và tuyển thẳng được ghi tại Quy chế tuyển sinh đại học chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy (*Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-*



BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), nhà trường quy định cụ thể các ngành ưu tiên xét tuyển thẳng như sau:

a) Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học, nếu có kết quả thi THPT quốc gia đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào quy định, nhà trường ưu tiên xét tuyển thẳng vào 16 ngành Đại học hiện có của nhà trường.

b) Thí sinh đoạt huy chương vàng các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Ủy ban TDTT có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được nhà trường ưu tiên xét tuyển vào ngành Đại học Quản lý thể thực thể thao.

c) Nhà trường ưu tiên tuyển thẳng vào các ngành: Thanh nhạc, Sư phạm âm nhạc cho những thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống.

d). Nhà trường ưu tiên tuyển thẳng vào các ngành: Sư phạm âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật và Giáo dục mầm non đối với các thí sinh đã tốt nghiệp trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố thuộc các khối chuyên: Văn, Toán, Ngoại ngữ với các điều kiện: ba năm học THPT chuyên của tỉnh, thành phố đạt học sinh giỏi hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức. Ngoài ra, nhà trường tổ chức kiểm tra năng khiếu phù hợp cho từng ngành đăng ký xét tuyển.

**2. PHƯƠNG THỨC II:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc học THPT, chiếm 50% chỉ tiêu tuyển sinh của mỗi khối ngành.

Có 2 hình thức xét tuyển:

**2.1. Hình thức 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập của 5 học kỳ ở bậc THPT đối với các ngành xét tuyển bằng các môn văn hóa.

**a) Ngành tuyển, tổ hợp môn xét tuyển**

TT	Ngành học	Khối ngành	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (Dự kiến)
1	Quản trị Khách sạn	III	DVD	52340107	1. Văn + Toán + KHXH (C15) 2. Toán + Văn + Tiếng Anh (D01)	150
2	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành		DVD	52340103		
3	Quản lý Văn hoá	VII	DVD	52220342	3. Toán + Văn + KHTN (A16) 4. Văn + Sử + Tiếng Anh (D14)	205
4	Thông tin học		DVD	52320201		
5	Việt Nam học		DVD	52220113		
6	Công tác Xã hội		DVD	52760101		

7	Quản lý Nhà nước		DVD	52310205	
8	Ngôn ngữ Anh	VII	DVD	52220201	1. Toán + Văn + Tiếng Anh ( <b>D01</b> ) 2. Toán + KHXH + Tiếng Anh ( <b>D96</b> ) 3. Văn + KHTN + Tiếng Anh ( <b>D72</b> ) 4. Văn + Địa + Tiếng Anh ( <b>D15</b> )

### b) Tiêu chí xét tuyển

- *Tiêu chí 1:* Tốt nghiệp THPT, THBT.

- *Tiêu chí 2:* Điểm trung bình các môn học theo tổ hợp 3 môn xét tuyển của 5 học kỳ ở bậc THPT gồm: học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 10; học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 phải đạt 6.0 điểm trở lên.

- *Tiêu chí 3:* Kết quả xếp loại hạnh kiểm cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12 phải đạt loại khá trở lên.

### c) Cách tính điểm xét tuyển

- Tổng điểm các môn xét (TĐ) = (ĐTB môn 1 của 5 học kỳ + ĐTB môn 2 của 5 học kỳ + ĐTB môn 3 của 5 học kỳ).

- Điểm ưu tiên (ĐƯT) = (ĐƯT khu vực + ĐƯT đối tượng)

- Điểm xét tuyển (ĐXT) = TĐ + ĐƯT

*Ghi chú: Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.*

### d) Nguyên tắc xét tuyển

Đối với thí sinh đáp ứng các tiêu chí 1,2,3, xét tuyển theo ĐXT từ cao xuống thấp cho đủ 50% chỉ tiêu đã xác định của mỗi khối ngành.

Đối với thí sinh có ĐXT bằng nhau, nhà trường quy định tiêu chí phụ, cụ thể:

- Đối với các ngành xét theo tổ hợp C15, A16 và D14 tiêu chí phụ là điểm môn Văn.

- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh tiêu chí phụ là điểm môn Tiếng Anh.

- Đối với thí sinh đăng ký 2 nguyện vọng vào ngành khác nhau, trường sẽ xem xét các nguyện vọng là bình đẳng, để đảm bảo thí sinh có thể trúng tuyển vào nguyện vọng tốt nhất với kết quả thi của thí sinh.

**2.2. Hình thức 2:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập 5 học kỳ THPT kết hợp với kết quả thi năng khiếu đối với các ngành sau đây:

#### a) Ngành tuyển, tổ hợp môn xét tuyển

TT	Ngành học	Khối ngành	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (Dự kiến)
----	-----------	------------	----------------	----------	----------------------	--------------------

1	Sư phạm Âm nhạc	I	DVD	52140221	Văn + Năng khiếu (Thẩm âm: tiết tấu, cao độ; Đàn, hát) <b>(N00)</b>	175
2	Sư phạm Mỹ thuật		DVD	52140222	Văn + Năng khiếu (Hình họa: vẽ chì, tượng thạch cao; Vẽ tranh BỐ cục màu) <b>(H00)</b>	
3	Giáo dục Mầm non		DVD	52140201	1. Văn + Toán + Năng khiếu (Hát, đọc, kể chuyện). <b>(M00)</b> 2. Toán + Tiếng Anh + Năng khiếu (Hát, đọc, kể chuyện). <b>(M01)</b>	
4	Thanh nhạc	II	DVD	52210205	Văn + Năng khiếu (Thẩm âm: tiết tấu, cao độ, hoặc xướng âm; Hát) <b>(N00)</b>	75
5	Hội họa		DVD	52210103	Văn + Năng khiếu (Hình họa: vẽ chì, tượng thạch cao; Vẽ tranh BỐ cục màu) <b>(H00)</b>	
6	Đồ họa		DVD	52210104	Văn + Năng khiếu (Hình họa: vẽ chì, tượng thạch cao; Vẽ bố cục trang trí). <b>(H00)</b>	
7	Thiết kế Thời trang		DVD	52210404	Văn + Năng khiếu (Hình họa: vẽ chì, tượng thạch cao; Vẽ bố cục trang trí). <b>(H00)</b>	

8	Quản lý Thể dục Thể thao	VII	DVD	52220343	Toán + Sinh + Năng khiếu (chạy 100 m; Bật xa tại chỗ) (T00) - Toán + Văn + Năng khiếu (chạy 100 m; Bật tại chỗ) (T01)	20
---	-----------------------------	-----	-----	----------	---	----

### b) Tiêu chí xét tuyển

- *Tiêu chí 1:* Tốt nghiệp THPT.

- *Tiêu chí 2:* Điểm TBC các môn văn hóa trong tổ hợp môn xét tuyển (Ngữ Văn, Toán hoặc Sinh học) của 5 học kỳ THPT gồm: học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 10; học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 phải đạt 5.0 điểm trở lên.

- *Tiêu chí 3:* Kết quả thi mỗi môn năng khiếu đạt từ 5 điểm trở lên (tối đa 10 điểm).

- *Tiêu chí 4:* Kết quả xếp loại hạnh kiểm cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12 phải đạt loại khá trở lên.

### c) Cách tính điểm xét tuyển

#### - Đối với ngành có sử dụng 1 môn năng khiếu

$\text{ĐXT} = \text{ĐTBC môn Toán} + \text{ĐTBC môn Văn}$  (hoặc  $\text{ĐTBC môn Văn} + \text{ĐTBC môn Sinh}$ ;  $\text{ĐTBC môn Toán} + \text{ĐTBC môn Tiếng Anh}$ ) +  $\text{ĐiểmNK}$  +  $\text{ĐiểmUT}$

#### - Đối với ngành có sử dụng 2 môn năng khiếu

$\text{ĐXT} = \text{ĐTBC môn Văn} + \text{ĐiểmNK1} + \text{ĐiểmNK2} + \text{ĐiểmUT}$

Chú thích: ĐXT : Điểm xét tuyển;

ĐTBC : Điểm trung bình chung;

NK : Điểm năng khiếu;

NK1 : Điểm năng khiếu 1;

NK2 : Điểm năng khiếu 2;

UT : Ưu tiên, gồm: ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng theo quy định của Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ CQ hiện hành.

*Ghi chú: Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân;*

### d) Nguyên tắc xét tuyển

Đối với thí sinh đáp ứng các tiêu chí 1,2,3,4 xét tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đủ 50% chỉ tiêu đã xác định của mỗi khối ngành.

Đối với thí sinh có ĐXT bằng nhau, nhà trường quy định tiêu chí phụ, cụ thể:

- Đối với các ngành thi 01 môn năng khiếu, tiêu chí phụ là điểm môn Năng khiếu; nếu vẫn bằng điểm thì xét đến điểm môn Văn (hoặc môn Toán).

- Đối với các ngành có 02 môn năng khiếu, tiêu chí phụ là tổng điểm 2 môn năng khiếu; nếu vẫn bằng điểm thi xét đến điểm môn Năng khiếu 1.

Sau khi xét đến tiêu chí phụ vẫn chưa đủ chỉ tiêu, thì Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh nhà trường sẽ quyết định xét tuyển nguyện vọng bổ sung tiếp theo.

### **2.3. Hồ sơ xét tuyển**

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (*theo mẫu đơn đăng ký xét tuyển*);

- Học bạ THPT (*bản photo công chứng*);

- Bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh vừa tốt nghiệp (*bản photo công chứng*);

- 4 ảnh cỡ 3x4 (*chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ*);

- 2 phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận;

- Bản sao giấy khai sinh;

- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).

### **3. Tổ chức thi các môn năng khiếu**

#### **- Các môn thi năng khiếu và thời gian thi**

+ Đối với ngành *Sư phạm Mỹ thuật, Hội họa, Thiết kế Đồ họa, Thiết kế Thời trang*:

Môn Năng khiếu 1: Hình họa. Thời gian: 240 phút

Môn Năng khiếu 2: Trang trí. Thời gian: 240 phút

+ Đối với ngành *Sư phạm Âm nhạc, Thanh nhạc*:

Môn Năng khiếu 1: Hát. Thời gian: 5-7 phút/ thí sinh

Môn Năng khiếu 2: Thảm âm, tiết tấu. Thời gian: 3-5 phút/thí sinh

+ Đối với ngành *Giáo dục Mầm non*:

Nội dung 1: Hát. Thời gian: 5-7 phút/ thí sinh

Nội dung 2: Đọc, kể chuyện. Thời gian: 8-10 phút/ thí sinh.

Điểm Năng khiếu = (điểm Nội dung 1 + điểm Nội dung 2)/2

+ Đối với ngành *Quản lý Thể thao*:

Nội dung 1: Chạy 100m.

Nội dung 2: Bật xa tại chỗ

Điểm Năng khiếu = (điểm Nội dung 1 + điểm Nội dung 2)/2

#### **- Đăng ký thi các môn năng khiếu**

Thí sinh đăng ký theo mẫu của trường (tải về từ trang website: [www.dvtdt.edu.vn](http://www.dvtdt.edu.vn))

Nộp đăng ký dự thi qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại trường. Thời gian từ 30/03 đến 10/09/2017.

### **- Lịch thi môn năng khiếu**

Đợt 1: dự kiến từ ngày 5/5 đến ngày 6/5

Đợt 2: dự kiến 19/7 đến ngày 20/7.

Đợt 3: dự kiến 13/8 đến ngày 14/8

Đợt 4: dự kiến 03/09 đến ngày 05/09

Đợt 5: dự kiến 22/09 đến ngày 23/09

**Địa điểm thi:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

(Số 561, Quang Trung 3, Phường Đông Vệ - Thành phố Thanh Hóa)

#### **4. Hình thức, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thi năng khiếu, đăng ký xét tuyển:**

Nộp trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Quản lý Đào tạo – Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Số 561, Quang Trung 3, Phường Đông Vệ - Thành phố Thanh Hóa. Điện thoại: (037) 3953.388 hoặc (037) 3857.421.

**5. Lệ phí xét tuyển:** Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước

#### **6. Thời gian nộp hồ sơ, xét tuyển và công bố kết quả**

**6.1. Phương thức 1:** Theo lịch xét tuyển chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

#### **6.2. Phương án 2:**

<b>TT</b>	<b>Đợt xét tuyển</b>	<b>Thời gian nhận hồ sơ</b>	<b>Thời gian xét tuyển</b>	<b>Thời gian công bố kết quả</b>
1	Đợt 1	Từ 30/3/2017 đến 30/4/2017	Từ 03/5/2017 đến 5/5/2017	Ngày 7/5/2017
2	Đợt 2	Từ 10/6/2017 đến 15/7/2017	Từ 17/07/2017 đến 18/7/2017	Ngày 21/7/2017
3	Đợt 3	Từ 21/07/2017 đến 10/8/2017	Từ 11/08/2017 đến 12/8/2017	Ngày 15/8/2017
4	Đợt 4	Từ 20/08/2017 đến 31/8/2017	Từ 01/09/2017 đến 03/09/2017	Ngày 05/09/2017
5	Đợt 5	Từ 11/09/2017 đến 21/09/2017	Từ 22/09/2017 đến 23/09/2017	Ngày 24/09/2017

**\* Ghi chú:** Đối với những thí sinh chưa có Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời sẽ nộp bổ sung sau; Thí sinh nộp hồ sơ tham gia xét tuyển trong cùng khoảng thời gian quy định của từng đợt xét tuyển đều có giá trị xét tuyển như nhau, kết quả xét tuyển không phụ thuộc vào việc nộp trước hay nộp sau trong cùng một đợt xét tuyển.

#### **7. Quy trình xét tuyển**

**- Bước 1:** Thành lập Hội đồng tuyển sinh, các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh, Ban Thanh tra công tác tuyển sinh.

- **Bước 2:** Nhập dữ liệu, thống kê dữ liệu học sinh xét tuyển (kết quả tốt nghiệp trung học phổ thông, điểm trung bình các môn theo tổ hợp 3 môn xét tuyển, đối tượng ưu tiên, khu vực,...)

- **Bước 3:** Tổ chức xét hồ sơ, tổ chức thi năng khiếu

- **Bước 4:** Hội đồng tuyển sinh xây dựng điểm trúng tuyển, tiến hành xét tuyển: Xét tuyển theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

- **Bước 5:** Công bố kết quả xét tuyển, thông báo kết quả xét tuyển trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường.

- **Bước 6:** Nhập học.

+ Những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển sẽ nhận được thông báo nhập học.

+ Khi nhập học, thí sinh mang theo hồ sơ bản gốc để đối chiếu.

## **8. Phân tích ưu, nhược điểm của phương án tuyển sinh**

### **8.1. Sự phù hợp của phương thức tuyển sinh**

- Trường thực hiện xét tuyển phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trong quá trình tổ chức xét tuyển, nhà trường thực hiện các yêu cầu về chế độ công khai trong tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức tuyển sinh của trường sẽ tạo điều kiện cho người học có nhiều cơ hội chứng minh khả năng học của mình, đồng thời giúp cho nhà trường có đa dạng nguồn tuyển. Từ đó nhà trường có cơ hội lựa chọn được người học đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Tiêu chí xét tuyển hoàn toàn phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

- Định hướng được việc học tập của học sinh phổ thông, tránh học lệch, học thuộc lòng, khuyến khích vận dụng kiến thức để hình thành năng lực cụ thể.

### **8.2. Các yếu tố đảm bảo chất lượng, sự công bằng của phương thức tuyển sinh**

- Nhà trường đã thành lập Phòng Khảo thí – đảm bảo chất lượng, gồm những cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao, có uy tín với đồng nghiệp và có kinh nghiệm trong công tác khảo thí, kiểm định, hoạt động độc lập, giám sát việc thực hiện công tác xét tuyển, đảm bảo công bằng cho thí sinh tham gia xét tuyển theo đúng phương án đã đề ra.

- Kiểm tra, đối chiếu bản chính học bạ THPT, văn bằng.

- Công khai quy định xét tuyển, quy trình xét tuyển.

- Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy định về xét tuyển và có hình thức khen thưởng đối với những cán bộ thực hiện nghiêm túc quy định xét tuyển hoặc phát hiện các hiện tượng, các trường hợp tiêu cực.

### 8.3. Những thuận lợi, khó khăn của phương thức xét tuyển riêng

#### a. Thuận lợi

- + Giảm việc gây áp lực trong thi tuyển sinh đại học, cao đẳng cho thí sinh.
- + Đáp ứng nguồn nhân lực và các ngành nghề mà xã hội đang cần.
- + Phù hợp với đặc thù các ngành đào tạo của trường và với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.
- + Định hướng được việc lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh THPT.
- + Phương thức xét tuyển mới dựa vào kết quả mà quá trình học sinh tích lũy ở bậc trung học phổ thông sẽ hạn chế được rủi ro trong các kỳ thi tuyển sinh.
- + Cơ sở vật chất của Nhà trường đáp ứng đầy đủ nhu cầu dạy và học

#### b. Khó khăn

- + Một số thí sinh cùng gia đình và xã hội chưa quen với phương thức tuyển sinh này nên cần tuyên truyền và quảng bá rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, sau khi Đề án được Bộ GD&ĐT phê duyệt.

## IV. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHÍNH

### 3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

#### 3.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Diện tích đất đai	ha	9.05
II	Diện tích sàn xây dựng cơ sở 2 (20 Nguyễn Du, TP Thanh Hóa)	m <sup>2</sup>	5.657
III	Diện tích sàn xây dựng cơ sở 1 (Số 561 Quang Trung, P.Đông Vệ, TP Thanh Hóa)	m <sup>2</sup>	13.000
IV	Giải trình diện tích sàn phục vụ dạy- học	m <sup>2</sup>	18.657
1	Giảng đường		
A	Số phòng	phòng	68
B	Tổng diện tích	m <sup>2</sup>	5.540
2	Phòng học máy tính		
A	Số phòng	phòng	6
B	Tổng diện tích	m <sup>2</sup>	600
3	Phòng học ngoại ngữ		
A	Số phòng	phòng	6
B	Tổng diện tích	m <sup>2</sup>	600
4	Thư viện	m <sup>2</sup>	1000
5	Phòng thí nghiệm (hòa nhạc, lễ tân, buồng, bàn, bar)		
A	Số phòng	phòng	70
B	Tổng diện tích	m <sup>2</sup>	2.970
6	Xưởng thực tập, thực hành		
A	Số phòng	phòng	14
B	Tổng diện tích	m <sup>2</sup>	1.380



<b>7</b>	<b>Diện tích nhà ăn của cơ sở đào tạo</b>	<i>m<sup>2</sup></i>	250
<b>V</b>	<b>Diện tích khác (đưa vào sử dụng 2015):</b>		
A	Diện tích hội trường-nhà văn hóa	<i>m<sup>2</sup></i>	2.000
B	Diện tích nhà thi đấu đa năng	<i>m<sup>2</sup></i>	2.000
C	Diện tích khu thực hành văn hóa	<i>m<sup>2</sup></i>	1.500
D	Diện tích sân vận động	<i>m<sup>2</sup></i>	817
<b>VI</b>	<b>Ký túc xá SV</b>		
A	Số phòng (dùng chung khu KTX SV của tỉnh)	<i>phòng</i>	40
B	Tổng diện tích trường được sử dụng	<i>m<sup>2</sup></i>	1.800

### 3.1.2. Thống kê phòng học

<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	03
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	10
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	35
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	50
5	Số phòng học đa phương tiện	5

### 3.1.3. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

<b>TT</b>	<b>Nhóm ngành đào tạo</b>	<b>Số lượng (cuốn/bản)</b>
1	Nhóm ngành I	3400
2	Nhóm ngành II	800
3	Nhóm ngành III	1000
4	Nhóm ngành VII	26.800
	<b>Tổng</b>	<b>32.000</b>

### 3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu (file excel)

Thông tin chung về GV			Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
Họ và tên (xếp theo nhóm ngành)	Ngày tháng năm sinh	Ngành đào tạo	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSK H
<b>Nhóm ngành I</b>								
Nguyễn Thiều Hoa	24/06/1952	Nghệ thuật Âm nhạc					TS	
Trần Thị Thanh Huyền	14/05/1967	Thanh nhạc				Ths		
Nguyễn Trung Liên	19/07/1957	Văn hoá dân gian (Âm nhạc dân gian)				Ths		
Đỗ Mạnh Thắng	15/07/1973	Phương pháp giảng dạy âm nhạc				Ths		
Vũ Đức Thành	02/08/1979	Phương pháp giảng dạy âm nhạc				Ths		
Nguyễn Thị Bích Hồng	12/10/1984	Phương pháp giảng dạy âm nhạc				Ths		
Ninh Quang Hưng	12/08/1976	Thanh nhạc				Ths		
Giáp Thị Phương	05/03/1985	Lý luận Sân khấu				Ths		
Mai Đông	16/08/1974	Lý luận Âm nhạc				Ths		

Nguyễn Đình Nghĩa	23/09/1980	Ngữ văn				Ths- NCS		
Đỗ Thị Lam	21/3/1993	Thanh nhạc			ĐH			
Đình Luận	12/03/1963	Lý luận Âm nhạc			ĐH			
Nguyễn Đức Cảnh	10/07/1975	Tâm lý học			ĐH			
Đặng Thanh Tăng	01/10/1974	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống			ĐH			
Lê Văn Tạo	22/12/1954	Nghệ thuật (Lý luận và lịch sử MT)	PGS				TS	
Trần Xuân Quang	17/07/1978	Lý luận và phương pháp dạy học MT				Ths		
Lê Văn Tĩnh	09/08/1979	Lý luận và phương pháp dạy học Mỹ thuật				Ths		
Trần Xuân Tý	20/06/1984	Lý luận và phương pháp dạy học Mỹ thuật				Ths		
Phạm Hà Thanh	27/07/1990	Sư phạm Mỹ thuật				Ths		
Lê Chí Thanh	19/05/1957	Hội Hoạ			ĐH			
Mai Công Khanh	07/09/1954	Giáo dục học					TS	
Lã Thị Tuyên	22/06/1979	Giáo dục học				Ths- NCS		
Nguyễn Thị Thái	20/10/1978	Ngôn ngữ					TS	
Nguyễn Thị Lan	20/07/1970	Quản lý giáo dục				Ths		
Lê Văn Dương	20/10/1980	Quản lý Giáo dục				Ths		
Nguyễn Đăng Tuấn	01/11/1981	Quản lý Giáo dục				Ths		
Đoàn Tiến Dũng	20/10/1963	Quản lý Giáo dục				Ths		
Phạm Thị Hoàng Hiền	06/10/1971	Quản lý Giáo dục				Ths		
Trần Thị Vân	21/09/1979	Sư phạm Mầm non				Ths		
Lê Thị Dung	19/05/1982	Hóa học				Ths		
Trần Thị Oanh	26/12/1987	Sư phạm Mầm non				Ths		
Trần Thu Hương	14/03/1983	Sư phạm Mầm non				Ths		
Lê Đăng An	10/09/1983	Giáo dục thể chất				Ths		
Lê Thị Ngọc Lan	06/04/1982	Toán				Ths		
Lê Thị Hòa	05/08/1989	Toán				Ths		
Nguyễn Thị Tình	30/04/1985	Triết học				Ths- NCS		
Vũ Thị Hoàng Oanh	15/12/1977	Lịch sử Đảng				Ths		
Lê Bá Thành	10/01/1979	Tâm lý học				Ths		
Trương Thị Huyền Trang	02/11/1987	Vật lý				Ths		
Hoàng Thị Thu Hằng	04/09/1987	Ngôn ngữ				Ths		
Trương Thế Minh	13/12/1956	Đồ họa công nghiệp			ĐH			
Dương Anh Tuấn	13/03/1957	Đạo diễn sân khấu			ĐH			
Tổng của nhóm ngành		<b>42</b>						

<b>Nhóm ngành II</b>								
Đỗ Thị Nhân	24/09/1967	Lý luận Âm nhạc					TS	
Nguyễn Tiến Thành	19/05/1976	Lý luận Âm nhạc				Ths		
Trịnh Thị Thuý Khuyên	10/05/1980	Thanh nhạc				Ths		
Lê Thị Thu Trang	20/08/1981	Thanh nhạc				Ths		
Bùi Thị Thu	10/06/1984	Thanh nhạc				Ths		
Vi Minh Huy	30/10/1976	Lý luận âm nhạc				Ths-NCS		
Phạm Thị Hải	12/09/1986	Thanh nhạc			ĐH-CH			
Phạm Đắc Thịnh	18/03/1985	Thanh nhạc			ĐH			
Phạm Ngọc Đình	06/07/1979	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống			ĐH-CH			
Lê Thị Tuyết	05/12/1985	Thanh nhạc			ĐH-CH			
Nguyễn Văn Dương	10/11/1962	Nghệ thuật					TS	
Tăng Đức Vũ	17/04/1978	Thiết kế Thời trang				Ths		
Nguyễn Thị Hồng Thuý	13/03/1980	Thiết kế Thời trang				Ths		
Mai Thị Thu Nga	17/11/1986	Thiết kế Thời trang				Ths		
Bùi Thị Hằng	18/04/1986	Mỹ thuật ứng dụng				Ths		
Trịnh Minh Trang	22/02/1987	Thiết kế thời trang				Ths		
Trần Việt Anh	17/08/1972	Nghệ thuật (Lý luận và LSMT)				Ths-NCS		
Nguyễn Hoàng Linh	07/05/1969	Hội hoạ				Ths		
Phạm Văn Thắng	23/12/1978	Hội Hoạ				Ths		
Nguyễn Như Hải	15/06/1963	Hội Hoạ			ĐH			
Lê Thị Thanh	07/06/1981	Đồ hoạ				Ths-NCS		
Vũ Trọng Thành	09/11/1980	Đồ hoạ				Ths		
Bùi Thị Ngoan	20/11/1984	Đồ hoạ				Ths		
Nguyễn Phi Trường	15/09/1985	Đồ hoạ				Ths		
Bùi Đức Chung	27/10/1984	Thiết kế Đồ hoạ				Ths		
Lê Minh Thư	03/11/1988	Đồ hoạ			ĐH			
Thiều Thị Kim	12/09/1979	Luật học				Ths		
Nguyễn Hữu Long	09/8/1976	Triết học				Ths		
Phạm Thị Hoàn	22/9/1975	Ngữ văn				Ths		
Lê Thị Lan Anh	25/5/1976	Sử học				Ths		
Nguyễn Thị Quy	01/12/1977	Luật học				Ths		
Lê Thị Dương	01/05/1989	Khoa học thư viện				Ths		
Trịnh Tất Đạt	20/02/1982	Thông tin thư viện				Ths		
Nguyễn Thị Nhung	20/02/1983	Toán học				Ths		
Nguyễn Thị Giang	06/05/1988	Việt Nam học				Ths		

Lê Xuân Sơn	03/05/1980	Lịch sử Thế giới				Ths		
Trịnh Thị Hậu	09/02/1981	Lịch sử Thế giới				Ths		
Hoàng Thị Thanh Bình	22/04/1978	Ngôn ngữ				Ths		
Nguyễn Thị Hằng	23/03/1981	Văn hoá học				Ths		
Lê Thị Hồng Hạnh	29/03/1983	Tiếng Pháp			ĐH			
Đỗ Thị Lan	15/11/1986	Xã hội học				Ths		
Phạm Thị Duyên	25/11/1987	Tiếng Trung				Ths		
Lê Thị Thuận	20/07/1991	Xã hội học				Ths		
Tổng của nhóm ngành		<b>43</b>						
<b>Nhóm ngành III</b>								
Lê Khắc Hiền	07/12/1950	Kinh tế					TS	
Phùng Thị Thuý Phương	02/10/1984	Toán				Ths- NCS		
Nguyễn Thị Phụng	05/05/1986	Toán				Ths		
Lê Thị Hương Giang	23/06/1986	Tiếng Anh				Ths		
Nguyễn Thị Minh Hiền	10/01/1983	Kế toán				Ths		
Lê Thị Xuân	06/10/1984	Kinh tế				Ths		
Lê Thị Lan Hương	17/03/1983	Tài chính- Ngân hàng				Ths		
Lê Đình Rục	10/02/1983	Kinh tế				Ths		
Phạm Thị Thu Liên	12/11/1979	Tài chính-kế toán				Ths		
Hoàng Thị Duyên	14/06/1989	Quản trị Khách sạn			ĐH			
Trịnh Xuân Phương	02/09/1983	Việt Nam học			ĐH			
Lê Thị Trang	24/10/1988	Tài chính-kế toán			ĐH			
Lê Thị Yên Hằng	06/08/1987	Quản lý Kinh tế			ĐH			
Nguyễn Văn Tương	05/03/1989	Văn hóa Du lịch			ĐH			
Dương Văn Hiếu	28/07/1951	Kinh tế					TS	
Trần Tiến	22/06/1983	Quản trị kinh doanh				Ths- NCS		
Trần Nhật Hải	07/04/1979	Quản trị kinh doanh				Ths- NCS		
Hoàng Xuân Khôi	20/07/1983	Quản trị kinh doanh				Ths		
Ngô Phương Thúy	03/04/1984	Quản trị kinh doanh				Ths		
Hoàng Ánh Tuyết	22/09/1987	Quản trị kinh doanh				Ths		
Lê Thị Bưởi	16/02/1978	Quản trị kinh doanh				Ths		
Vũ Thị Thủy	05/09/1989	Quản trị kinh doanh				Ths		
Hoàng Bá Khải	15/02/1967	Quản lý kinh tế				Ths		
Lê Thị Ngọc	10/07/1989	Quản trị Khách sạn				Ths		
Lê Văn Doanh	02/10/1986	Lịch sử				Ths		
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/05/1982	Tiếng Anh				Ths		
Tào Thị Thu Thảo	25/12/1985	Tiếng Anh				Ths		
Lê Quốc Nguyên	09/02/1982	Tiếng Anh				Ths		

Nguyễn Thanh Tâm	24/10/1984	Giáo dục thể chất				Ths		
Văn Đình Huy	16/10/1986	Giáo dục thể chất				Ths		
Lê Văn Dũng	10/04/1985	Sinh học tự nhiên				Ths		
Phạm Thị Phương	10/06/1978	Triết học				Ths		
Lưu Vũ Nam	06/05/1985	Công nghệ thông tin				Ths		
Lê Ngọc Hoàn	06/01/1982	Công nghệ thông tin				Ths		
Trần Thị Nhung	20/01/1985	Lý luận văn học				Ths		
Tổng của nhóm ngành	<b>35</b>							
<b>Nhóm ngành IV</b>								
.....								
Tổng của nhóm ngành								
<b>Nhóm ngành V</b>								
.....								
Tổng của nhóm ngành								
<b>Nhóm ngành VI</b>								
.....								
Tổng của nhóm ngành								
<b>Nhóm ngành VII</b>								
Hoàng Công Dân	14/02/1952	Giáo dục thể chất					TS	
Trịnh Ngọc Trung	10/10/1980	Giáo dục thể chất				Ths- NCS		
Tô Thị Hương	09/03/1987	Giáo dục thể chất				Ths- NCS		
Phạm Văn Trọng	12/7/1978	Vật lý					TS	
Nguyễn Thị Hồng	05/10/1979	Tâm lý học				Ths- NCS		
Nguyễn Thành Trung	01/09/1979	Giáo dục thể chất				Ths		
Nguyễn Thị Thơm	20/08/1988	Chính trị học				Ths		
Nguyễn T.Ngọc Hoa	22/02/1988	Lịch sử Đảng				Ths		
Nguyễn Thị Thục	15/01/1976	Quản lý Văn hóa					TS	
Nguyễn Văn Tình	25/09/1954	Quản lý Văn hóa					TS	
Phạm Hồng Toàn	01/05/1951	Quản lý Văn hóa					TS	
Nguyễn Đình Trãi	02/10/1954	Triết học					TS	
Vũ Hồng Hải	01/5/1964	Quản lý Văn hóa					TS	
Lê Thị Minh Lý	17/10/1956	Quản lý Văn hóa					TS	
Hoàng Bá Tường	03/6/1962	Văn hóa học					TS	
Đỗ Quang Trọng	10/5/1971	Sử học					TS	
Hà Đình Hùng	09/08/1982	Văn hoá học					TS	
Lê Thị Sáu	19/12/1961	Quản lý Văn hóa				Ths		
Vũ Thị Huyền	25/04/1988	Quản lý Văn hóa				Ths		
Nguyễn Thị Thanh Nga	18/06/1987	Văn hoá học				Ths		
Nguyễn Thị Hà	04/07/1985	Lý luận văn học				Ths- NCS		

Nguyễn Thị Thuý Dương	14/07/1982	Lý luận văn học				Ths		
Lê Thị Hương	27/07/1984	Lý luận văn học				Ths		
Vũ Văn Bình	05/08/1961	Văn hoá học				Ths		
Nguyễn Đình Thảo	27/12/1976	Văn hoá học				Ths		
Nguyễn Thị Thuý	10/11/1983	Quản lý Văn hoá				Ths		
Đậu Thị Thuý	29/11/1983	Lý luận Văn học				Ths		
Hoàng Thị Kim Oanh	14/01/1980	Lý luận văn học				Ths		
Dương Khánh	05/03/1954	Luật học					TS	
Nguyễn Thanh Bình	19/05/1956	Luật học					TS	
Nguyễn Quang Vĩ	5/11/1970	Luật học					TS	
Hoàng Đình Hiền	08/09/1979	Quản lý Hành chính công				Ths-NCS		
Lê Thị Thảo Linh	23/08/1990	Quản lý Công				Ths		
Lê Thị Thùy	25/2/1982	Luật học				Ths		
Lê Văn Công	25/09/1982	Luật học				Ths		
Nguyễn Quỳnh Khôi	09/09/1963	Luật học				Ths		
Lê Anh Xuân	23/06/1980	Luật học				Ths		
Phùng Thị Quyên	12/5/1977	Luật học				Ths		
Phạm Thị Hoài Thu	12/6/1976	Luật học				Ths		
Lê Thị Lý	20/9/1981	Luật học				Ths		
Đỗ Phương Anh	20/3/1978	Luật học				Ths		
Đinh Thị Thanh Hà	16/10/1971	Hành chính nhà nước				Ths		
Nguyễn Thị Thu Trang	20/09/1981	Hành chính công				Ths		
Nguyễn Thị Lan Anh	19/10/1989	Hành chính công				Ths		
Hoàng Anh Công	15/12/1984	Công nghệ thông tin				Ths		
Lê Tuấn Anh	20/09/1984	Công nghệ thông tin				Ths		
Hoàng Thị Thảo	03/08/1981	Triết học				Ths		
Vũ Thị Dung	08/02/1986	Lý luận văn học				Ths		
Lê Văn Việt	03/03/1953	Khoa học Thư viện					TS	
Tào Ngọc Biên	26/06/1984	Công nghệ thông tin				Ths-NCS		
Trịnh Văn Anh	16/08/1985	Công nghệ thông tin				Ths-NCS		
Đoàn Dũng Sĩ	01/01/1977	Nghệ thuật					TS	
Tạ Thị Thuý	18/09/1984	Ngữ văn					TS	
Lê Thị Nhàn	01/08/1983	Ngôn ngữ				Ths-NCS		
Phạm Thị Phương	10/02/1979	Văn hoá học				Ths		
Lê Văn Cường	20/05/1982	Công nghệ thông tin				Ths		
Đỗ Thị Thu Hương	22/01/1983	Thông tin thư viện				Ths		
Hoàng Thị Huyền	05/07/1983	Thông tin thư viện				Ths		
Lê Thị Hồng	03/09/1984	Thông tin thư viện				Ths		

Văn Thị Thuỷ	30/04/1988	Thông tin thư viện				Ths		
Nguyễn Duy Thêm	20/06/1983	Công nghệ thông tin			ĐH			
Phạm Ngọc Thuỷ	16/01/1984	Thông tin thư viện			ĐH			
Trần Văn Thức	20/12/1969	Sử học	PGS				TS	
Vũ Văn Tuyển	28/06/1987	Văn hóa du lịch					TS	
Lưu Thị Ngọc Diệp	21/06/1985	Việt Nam học				Ths- NCS		
Nguyễn Thế Anh	15/07/1980	Lịch sử Việt Nam				Ths- NCS		
Lê Thị Thảo	07/04/1983	Sử học					TS	
Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	24/09/1980	Văn hoá					TS	
Lê Thị Hòa	24/07/1984	Lịch sử				Ths		
Nguyễn Thị Hường	01/02/1979	Châu Á học				Ths		
Lê Thị Lệ	07/05/1980	Địa lý kinh tế					TS	
Lê Thị Hoà	02/12/1986	Sử học				Ths		
Bùi Thị Hậu	10/08/1982	Lịch sử				Ths		
Trần Thị Như Quỳnh	23/08/1986	Việt Nam học			ĐH- CH			
Vũ Thị Hạnh	18/12/1987	Lịch sử			ĐH			
Lê Thanh Hà	20/11/1977	Ngôn ngữ đối chiếu					TS	
Hoàng Thị Huệ	16/03/1980	Tiếng Anh				Ths		
Nguyễn Thị Hồng Lê	15/08/1985	Tiếng Anh				Ths- NCS		
Nguyễn Thị Hà My	08/09/1984	Tiếng Anh				Ths		
Nguyễn Văn Dũng	05/05/1981	Ngôn ngữ					TS	
Trịnh Quốc Dũng	05/01/1984	Quan hệ Quốc tế				Ths		
Trương An Quốc	2/09/1951	Công tác Xã hội					TS	
Đoàn Văn Trường	14/04/1989	Xã hội học					TS	
Hoàng Thị Thu Hoa	01/12/1984	Công tác Xã hội				Ths		
Nguyễn Thị Thu	11/11/1991	Công tác Xã hội				Ths		
Đình Thị Mai	01/05/1986	Công tác Xã hội				Ths		
Mai Quỳnh Mai	25/03/1990	Công tác Xã hội				Ths		
Trịnh Văn Anh	02/03/1987	Công tác Xã hội				Ths		
Bùi Thị Quỳnh Nga	19/07/1991	Xã hội học				Ths		
Trần Thị Hòa	10/10/1990	Xã hội học				Ths		
Mai Thị Thúy An	22/2/1989	Quan hệ công chúng				Ths		
Lê Minh Hùng	02/11/1970	Giáo dục học					TS	
Tổng của nhóm ngành	<b>92</b>							
<b>GV các môn chung</b>	<b>20 GV</b> (đã tính trong 212 GV toàn trường)							
.....								
<b>Tổng GV toàn trường</b>	<b>212</b>							

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Nội dung những việc cần thực hiện trong quy trình tổ chức tự chủ tuyển sinh**

#### **1.1. Công tác chuẩn bị tuyển sinh**

- Căn cứ quy định của Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính qui và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tuyển sinh, trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh.

- Hội đồng tuyển sinh của trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo làm Chủ tịch Hội đồng. Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo toàn bộ hoạt động tuyển sinh của trường.

- Hội đồng tuyển sinh có các Ban giúp việc: Ban thư ký, Ban thanh tra; Ban đề thi, Ban chấm thi; Ban cơ sở vật chất, Ban tài chính...

- Ban hành các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, các Ban giúp việc; các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác tuyển sinh; mẫu hồ sơ đăng ký xét tuyển sinh; ...

- Chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, văn phòng phẩm, an ninh cho việc tổ chức xét tuyển sinh.

- Nhà trường thông báo công khai trên trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng phương án tuyển sinh, lịch tuyển sinh cụ thể từng đợt.

- Thông tin tuyển sinh của trường bao gồm: tên trường, ký hiệu trường, địa chỉ liên hệ, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tiêu chí xét tuyển, nội dung xét tuyển, thời gian xét tuyển, vùng tuyển, học phí, học bổng và các thông tin khác liên quan khác.

#### **1.2. Tổ chức tuyển sinh**

- Dưới sự chỉ đạo của HĐTS, các Ban: Thư ký, kiểm tra năng lực, xét tuyển, thanh tra, cơ sở vật chất sẽ thực hiện theo nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng của mình như Quy chế tuyển sinh của trường đã qui định.

- Quá trình xét tuyển từ khâu phát hành, nhận hồ sơ đến xét tuyển được thực hiện theo quy trình tuyển sinh riêng của Nhà trường.

- Ban cơ sở vật chất có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các phòng, cơ sở vật chất thiết bị phục vụ cho phỏng vấn.

#### **2. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện**

Ban thanh tra tuyển sinh chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh; kịp thời phát hiện những sai sót, vi phạm và đề xuất các hình thức xử lý theo đúng uy chế tuyển sinh.

#### **3. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan**

- Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về các hiện tượng tiêu cực trong công tác tuyển sinh: Hội đồng tuyển sinh của trường, Ban thanh tra công tác tuyển sinh, hòm thư góp ý của Nhà trường.

- Người tố cáo các hiện tượng tiêu cực phải có bằng chứng cụ thể và được xác minh về tính chính xác.

- Các cá nhân và tổ chức tiếp nhận thông tin tố cáo phải bảo vệ nguyên trạng bằng chứng và xác minh tính chân thực của bằng chứng, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và báo cáo với HĐTS để có biện pháp xử lý thích hợp.



#### **4. Chế độ thông tin, báo cáo trước, trong và sau khi kết thúc tuyển sinh**

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo kịp thời trong từng giai đoạn triển khai nội dung đề án tự chủ tuyển sinh. Kết thúc kỳ tuyển sinh, Nhà trường tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ GDĐT.

#### **VI. LỘ TRÌNH VÀ CAM KẾT CỦA TRƯỜNG**

##### **1. Lộ trình**

- **Năm 2017:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa thực hiện các phương án tuyển sinh theo đề án tuyển sinh riêng của Trường.

- **Từ năm 2018 trở đi:** Từ việc triển khai công tác tổ chức tuyển sinh năm 2017, nhà trường sẽ tổng kết, rút kinh nghiệm, bổ sung hoàn thiện phương án tuyển sinh, trong đó cung cấp các thông tin về việc làm, mức đóng học phí của sinh viên/năm để thí sinh và xã hội được biết.

##### **2. Cam kết của Nhà trường**

- Tổ chức tuyển sinh theo đúng Quy chế và dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi tối đa cho các học sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan.

- Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của trường trên cổng thông tin điện tử của trường, cổng thông tin điện tử phục vụ tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên các kênh thông tin truyền thông, để xã hội và phụ huynh, thí sinh theo dõi, giám sát.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời theo đúng quy định.

- Xử lý nghiêm, đúng quy định của pháp luật các hành vi tiêu cực, vi phạm Quy chế.

Trên đây là đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá. Kính đề nghị Vụ Giáo dục Đại học – Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét.

##### ***Nơi nhận:***

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (đề b/c);
- Vụ Giáo dục Đại học (đề b/c);
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Lê Thanh Hà**